TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày**:** 09-6-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Lệ**

Ông **Nguyễn Văn Lạc**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Khưu N, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm E, phường I, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn*: Ông Liêu H, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, khóm E, phường I, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Khưu N trình bày:*

Vào năm 1992 thì bà và ông Liêu H chung sống với nhau như vợ chồng và đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là Liêu B, sinh ngày 29/9/1993 và Liêu Y, sinh ngày 11/5/2000. Hai con đã trưởng thành, đều có công việc ổn định, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân và có đời sống riêng tư. Vợ chồng bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, vợ chồng bà không có nợ chung cũng như không ai nợ lại vợ chồng bà.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng lẫn nhau. Ông H cũng thường hay bỏ nhà đi, có khi bỏ đi đâu đó vài năm rồi quay về, bà cũng không để ý đến. Từ đó hai người không có tiếng nói chung và vợ chồng bà bắt đầu sống ly thân kể năm 2017 cho đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn lại được. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà không có ai biết. Tại phiên tòa hôm nay, bà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận bà và ông Liêu H không phải là vợ chồng. Còn những vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung, con chung thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Liêu H vắng mặt, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông H được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Liêu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không vì sự kiện bất khả kháng hay vì lý do khách quan. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N yêu cầu HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Khưu N và ông Liêu H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù bà N và ông H chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, cũng đã có hai đứa con chung nhưng quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận.

[3] Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà N trình bày nguyên nhân là do mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu lẫn nhau, cuộc sống không hòa hợp, không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên bà và ông H sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông H. Phía ông H không có ý kiến trình bày.

[4] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, nên ông bà đã sống ly thân với nhau. Mặt khác, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải xem có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung hay không, nhưng ông H vắng mặt không rõ lý

do. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của bà N và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà N và ông H là vợ chồng.

[5] Về con chung: Quá trình sống chung, ông bà có 02 con chung là Liêu B, sinh ngày 29/9/1993 và Liêu Y, sinh ngày 11/5/2000, theo bà N trình bày thì các con của bà đã trưởng thành và đều có công việc ổn định, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân và có đời sống riêng tư nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Khưu N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Liêu H không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Khưu N và ông Liêu H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con Liêu B, sinh ngày 29/9/1993 và Liêu Y, sinh ngày 11/5/2000 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, bà N và ông H không yêu cầu xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Khưu N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003352 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà N đã thực hiện xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Vàng